

Số: 2665825

**MITSUBISHI FUSO FJ - Thùng mui  
bạt**

**SINOTRUK 6x4**

**Giá niêm yết:**

**1.487.700.000đ**

**1.275.000.000đ**

**KÍCH THƯỚC:**

Kích thước tổng thể(DxRxC)

11.670 x 2.500 x 3.600 mm

7.040 x 2.500 x 3.885 mm

Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)

9.100 x 2.350 x 2.150 mm

Chiều dài cơ sở

5.700 + 1.350 mm

3.200 + 1.400 mm

Vết bánh xe trước/sau

2.040/1.805 mm

2.040/1.860 mm

**KHỐI LƯỢNG:**

Khối lượng bản thân

9.605 kg

9.135 kg

Khối lượng chở cho phép

14.200 kg

14.735 kg

Khối lượng toàn bộ

24.000 kg

24.000 kg

Số chỗ ngồi

3 chỗ ngồi + 1 giường nằm

2 chỗ

**ĐỘNG CƠ:**

Tên động cơ

FUSO - 6S20 210

WEICHAH WP12.430E50

Loại động cơ

Diesel, 06 xilanh thẳng hàng, turbo tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử (Common Rail)

Diesel, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử (ECU)/

Dung tích xi lanh

6.372 cc

11.596 cc

Công suất cực đại/ tốc độ quay

285/2.200 Ps/(vòng/phút)

430/1.900 Ps/(vòng/phút)

Mô men xoắn/ tốc độ quay

1.120/1.200-1.600 N.m/(vòng/phút)

2.060/1.000-1.400 N.m/(vòng/phút)

**TRUYỀN ĐỘNG:**

Ly hợp

01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực

Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực khí

Hộp số

Mercedes Benz G131, 9 Số sàn, 9 số tiến + 01 số lùi

FAST GEAR 12JSDX220TA-B (12 số tiến, 02 số lùi)

Tỷ số truyền

I: 14,573; II: 9,478; III: 6,635; IV: 4,821; V: 3,667; VI: 2,585; VII: 1,810; VIII: 1,315; IX: 1,0; R: 13,862

ih1 = 12,1; ih2 = 9,52; ih3 = 7,31; ih4 = 5,71; ih5 = 4,46; ih6 = 3,48; ih7 = 2,71; ih8 = 2,13; ih9 = 1,64; ih10 = 1,28; ih11 = 1,00; ih12 = 0,78; iR1= 11,56; iR2 = 2,59

**HỆ THỐNG PHANH:**

Hệ thống phanh

Tang trống, khí nén toàn phần, 2 dòng

Tang trống, khí nén 2 dòng, ABS

**HỆ THỐNG TREO:**

Trước

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Nhíp ít lá, giảm chấn thủy lực

Sau

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Nhíp ít lá, balance mỡ, thanh giằng chữ V

**LỐP XE:**

Trước/Sau

10.00R20

12R22.5

**ĐẶC TÍNH:**

Khả năng leo dốc

51,4 %

54,8 %

Bán kính quay vòng nhỏ nhất

11,2 m

7,5 m

Tốc độ tối đa

95 km/h

101 km/h

Dung tích thùng nhiên liệu

355 lít

400 lít

**HỆ THỐNG LÁI:**

Hệ thống lái

Trục vít - ê cu bi; Dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực

Trục vít ecu-bi, trợ lực thủy lực